

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng  
Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai  
đoạn chín tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 09 năm 2016**



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016**

**Mẫu B 01a - DN/IN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.509.504.458.963</b>	<b>2.058.126.984.488</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>609.188.955.747</b>	<b>294.981.406.686</b>
Tiền	111		30.188.955.747	11.481.406.686
Các khoản tương đương tiền	112		579.000.000.000	283.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>509.840.595.117</b>	<b>1.503.455.524.936</b>
Phải thu của khách hàng	131		213.847.728.333	194.840.832.064
Trả trước cho người bán	132		3.674.147.140	4.792.732.257
Phải thu về cho vay	135	<b>2</b>	-	730.000.000.000
Phải thu khác	136		295.306.117.984	577.389.662.288
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(2.987.398.340)	(3.567.701.673)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>383.223.601.235</b>	<b>254.725.761.551</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.251.306.864</b>	<b>4.964.291.315</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.251.306.864	3.506.774.615
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	1.457.516.700
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>5.359.957.420.044</b>	<b>313.062.358.103</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.351.009.498.709</b>	<b>27.000.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	<b>2</b>	2.235.574.458.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	<b>3</b>	115.435.040.709	27.000.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>4</b>	<b>94.090.179.174</b>	<b>103.057.420.923</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		94.090.179.174	103.057.420.923
Nguyên giá	222		180.118.593.242	178.317.605.615
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.028.414.068)	(75.260.184.692)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.897.880.376.279</b>	<b>168.400.204.279</b>
Đầu tư vào công ty con	251		762.390.204.279	168.400.204.279
Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>5</b>	2.135.490.172.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.977.365.882</b>	<b>14.604.732.901</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.372.698.666	2.000.065.685
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		12.604.667.216	12.604.667.216
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6.869.461.879.007</b>	<b>2.371.189.342.591</b>



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**NGUỒN VỐN**

<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>3.923.208.328.985</b>	<b>466.762.785.338</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>1.615.599.552.047</b>	<b>455.491.886.831</b>
Phải trả người bán	311	295.347.548.470	122.433.579.733
Người mua trả tiền trước	312	110.242.382	2.866.767.897
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20.621.317.598	22.181.721.885
Phải trả người lao động	314	57.399.690.789	43.402.299.128
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	212.643.149.270	140.108.614.112
Phải trả ngắn hạn khác	319	432.380.675.388	49.284.320.111
Vay ngắn hạn	320	597.089.813.444	75.207.469.259
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	7.114.706	7.114.706
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>2.307.608.776.938</b>	<b>11.270.898.507</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	4.797.155.934	11.270.898.507
Phải trả dài hạn khác	337	23.503.287.671	-
Vay dài hạn	338	2.279.308.333.333	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>2.946.253.550.022</b>	<b>1.904.426.557.253</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>2.946.253.550.022</b>	<b>1.904.426.557.253</b>
Vốn cổ phần	411	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	944.868.793	944.868.793
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	944.868.793	944.868.793
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.744.363.812.436	1.702.536.819.667
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a	2.102.233.938.742	817.803.347.161
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	642.129.873.694	884.733.472.506
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>	<b>6.869.461.879.007</b>	<b>2.371.189.342.591</b>

Người lập:

*Nguyễn Thị Thanh Tâm*

Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

*Nguyễn Thị Minh Hằng*

Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn chín tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 09 năm 2016**

**Mẫu B 01a - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2016 VND	30/9/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	9	2.588.491.241.831	1.636.164.564.993
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	9	164.975.161.586	109.461.219.195
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>9</b>	<b>2.423.516.080.245</b>	<b>1.526.703.345.798</b>
Giá vốn hàng bán	11	10	1.901.177.137.925	1.207.829.281.516
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>522.338.942.320</b>	<b>318.874.064.282</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		522.355.152.259	699.350.880.642
Chi phí tài chính	22		63.212.344.659	8.166.692.352
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		63.199.094.220	8.161.406.932
Chi phí bán hàng	25		232.270.364.780	106.315.864.584
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		59.397.698.580	52.342.167.023
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>689.813.686.560</b>	<b>851.400.220.965</b>
Thu nhập khác			879.613.697	1.024.087.018
Chi phí khác	32		1.433.801.946	548.727.680
<b>Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(554.188.249)</b>	<b>475.359.338</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>689.259.498.311</b>	<b>851.875.580.303</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		47.129.624.617	42.665.208.513
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.752.331.029
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>642.129.873.694</b>	<b>807.458.040.761</b>

Người lập:

*Nguyễn Thị Thanh Tâm*

Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Minh Hằng*

Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế- Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2016**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC)*

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/09/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	273.044.744	1.501.876
Tiền gửi ngân hàng	29.378.651.003	11.479.904.810
Tiền đang chuyển	537.260.000	-
Các khoản tương đương tiền	579.000.000.000	283.500.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>609.188.955.747</b>	<b>294.981.406.686</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

**2. Phải thu về cho vay**

	<b>30/9/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ khoản vay 1 (*)	788.400.000.000	730.000.000.000
Phải thu từ khoản vay 2 (**)	1.447.174.458.000	-
	<b>2.235.574.458.000</b>	<b>730.000.000.000</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>730.000.000.000</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>2.235.574.458.000</b>	<b>-</b>
	<b>2.235.574.458.000</b>	<b>730.000.000.000</b>

(\*) Phải thu từ khoản vay 1 là khoản cho Kenji (một bên liên quan) vay, hưởng lãi suất năm là 8,0%.

Tại ngày 5 tháng 1 năm 2016, Công ty và Kenji đã đồng ý tái cơ cấu lại khoản nợ gốc còn phải thu và lãi lũy kế liên quan tại ngày 6 tháng 1 năm 2016. Khoản cho vay đã tái cơ cấu sẽ đáo hạn vào ngày 6 tháng 1 năm 2018 và tiền lãi sẽ thu hồi vào ngày đáo hạn.

(\*\*) Phải thu từ khoản vay 2 là khoản cho Shika (một bên liên quan) vay, hưởng lãi suất năm là 6,5%. Khoản cho vay sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2018 và tiền lãi sẽ thu vào ngày đáo hạn.



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế - Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	74.437.626.222	1.610.279.035	72.726.635.638	29.543.064.720	178.317.605.615
Tăng trong kỳ	-	-	1.338.987.627	462.000.000	1.800.987.627
Số dư cuối kỳ	<b>74.437.626.222</b>	<b>1.610.279.035</b>	<b>74.065.623.265</b>	<b>30.005.064.720</b>	<b>180.118.593.242</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	22.899.276.052	1.482.002.665	33.163.618.405	17.715.287.570	75.260.184.692
Khấu hao trong kỳ	3.843.653.827	28.660.286	4.549.400.386	2.346.514.877	10.768.229.376
Số dư cuối kỳ	<b>26.742.929.879</b>	<b>1.510.662.951</b>	<b>37.713.018.791</b>	<b>20.061.802.447</b>	<b>86.028.414.068</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	51.538.350.170	128.276.370	39.563.017.233	11.827.777.150	103.057.420.923
Số dư cuối kỳ	<b>47.694.696.343</b>	<b>99.616.084</b>	<b>36.352.604.474</b>	<b>9.943.262.273</b>	<b>94.090.179.174</b>







**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế- Tru sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	01/01/2016		Biến động trong kỳ		30/09/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	75.207.469.259	75.207.469.259	1.482.990.695.040	(961.108.350.855)	597.089.813.444	597.089.813.444

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/09/2016		01/01/2016	
			VND	USD	VND	VND
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4.8%-4.9%	340.199.410.303	-	75.207.469.259	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	USD	1.5%	167.290.857.258	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	VND	4.8%	34.404.934.034	-	-	-
	VND	4.8%-4.9%	55.194.611.849	-	-	-
			<b>597.089.813.444</b>		<b>75.207.469.259</b>	

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế- Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/IN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/9/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn (i)	VND	6,5%	2018	323.000.000.000	-
Trái phiếu thường (ii)	VND	7,0-8,0%	2021	1.956.308.333.333	-
				2.279.308.333.333	-

- (i) Trong kỳ, Tập đoàn vay từ Proconco, một bên liên quan, một khoản tiền có giá trị là 323 tỷ VND. Khoản vay này không được bảo đảm, chịu lãi suất năm là 6,5%. Nợ gốc vay và tiền lãi vay sẽ được hoàn trả toàn bộ vào ngày 25 tháng 5 năm 2018.
- (ii) Trái phiếu được đảm bảo của Tập đoàn là 2.000 tỷ VND (chưa bao gồm phí phát hành) với thời gian đáo hạn 5 năm, gồm 2 khoản: Khoản 1 là 1.300 tỷ chịu lãi suất là 7,0% trong năm đầu tiên và biên độ 1,5% cộng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng lớn trong nước cho các năm tiếp theo; Khoản 2 là 700 tỷ chịu lãi suất là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng lớn trong nước cho các năm tiếp theo.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế- Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	613.033.347.161	814.923.084.747
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển về từ ANCO Hà Nam	-	-	-	359.770.000.000	359.770.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	807.458.040.761	807.458.040.761
Cổ tức	-	-	-	(230.000.000.000)	(230.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015</b>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.550.261.387.922	1.752.151.125.508
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.702.536.819.667	1.904.426.557.253
Lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	399.697.119.075	399.697.119.075
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	642.129.873.694	642.129.873.694
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2016</b>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	2.744.363.812.436	2.946.253.550.022



**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế- Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế- Trụ sở chính**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

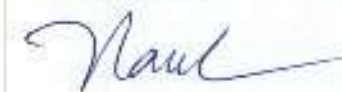
Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Giai đoạn chín tháng kết thúc	
	30/09/2016	30/09/2015
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	2.588.491.241.831	1.636.164.564.993
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	164.975.161.586	109.461.219.195
Doanh thu thuần	2.423.516.080.245	1.526.703.345.798

**10. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn chín tháng kết thúc	
	30/09/2016	30/09/2015
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.901.177.137.925	1.207.829.281.516

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Hằng  
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm  
Tổng Giám đốc